**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 2**

**[MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 11](https://thuvienhoclieu.com/tai-lieu-cong-nghe/cong-nghe-lop-11/)**

**Câu 1.** Hệ thống khởi động thường được chia làm mấy loại?

**A.** Bốn loại: bằng tay; bằng động cơ điện; bằng động cơ xăng phụ; bằng khí nén

**B.** Hai loại: bằng tay và bằng động cơ điện

**C.** Năm loại: bằng tay; bằng chân; bằng động cơ điện; bằng động cơ xăng phụ; bằng khí nén

**D.** Ba loại: bằng chân; bằng động cơ điện; bằng khí nén

**Câu 2.** Để ĐCĐT làm nguồn động lực cho các máy công tác, công suất của ĐCĐT phải thoả mãn hệ nào thức nào dưới đây? (NĐC: công suất của ĐCĐT; NCT: công suất của máy công tác; NTT: công suất tổn thất trên hệ thống truyền lực)

**A.** NĐC = (NCT + NTT)/K **B.** NĐC= (NCT +NTT).K

**C.** NTT = (NCT+ NĐC).K **D.** NCT = (NĐC + NTT).K

**Câu 3. Khi phân loại hệ thống bôi trơn theo phương pháp bôi trơn thì có những loại nào?**

**A.** 2 loại: vung té, cưỡng bức

**B.** 3 loại: vung té, pha dầu nhớt vào nhiên liệu, bốc hơi.

**C.** 3 loại: vung té, pha dầu nhớt vào nhiên liệu, cưỡng bức

**D.** 4 loại: vung té, pha dầu nhớt vào nhiên liệu, cưỡng bức, bốc hơi.

**Câu 4. Dòng điện phóng đi theo hướng nào ở thời điểm đánh lửa trong hệ thống đánh lửa điện tử không tiếp điểm?**

**A.** Cực (-)CT → ĐĐK →“Mát” → W1 → Cực (-)CT

**B.** Cực (+)CT → ĐĐK →“Mát” → W1 → Cực (+)CT

**C.** Cực (-)CT → ĐĐK →“Mát” → W1 → Cực (+)CT

**D.** Cực (+)CT → ĐĐK →“Mát” → W1 → Cực (-)CT

**Câu 5. Hệ thống khởi động có nhiệm vụ gì?**

**A.** Làm quay trục cam đến số vòng quay tối đa để động cơ tự nổ máy được

**B.** Làm quay trục khuỷu đến số vòng quay tối đa để động cơ tự nổ máy được

**C.** Làm quay trục cam đến số vòng quay nhất định để động cơ tự nổ máy được

**D.** Làm quay trục khuỷu đến số vòng quay nhất định để động cơ tự nổ máy được

**Câu 6. Sơ đồ ứng dụng nào đúng với động cơ đốt trong?**

**A.** Động cơ đốt trong → Máy công tác → Hệ thống truyền lực

**B.** Động cơ đốt trong →Hệ thống truyền lực →Máy công tác

**C.** Hệ thống truyền lực → Động cơ đốt trong →Máy công tác

**D.** Máy công tác →Hệ thống truyền lực → Động cơ đốt trong

**Câu 7. Các bộ phận chính của hệ thống truyền lực trong ô tô là gì?**

**A.** Li hợp, hộp số, truyền lực các đăng, truyền lực chính

**B.** Li hợp, hộp số, truyền lực phụ, truyền lực chính, vi sai

**C.** Li hợp, hộp số, truyền lực các đăng, truyền lực chính, vi sai

**D.** Li hợp, hộp số, truyền lực các đăng, truyền lực phụ, vi sai

**Câu 8. Hệ thống truyền lực trong tàu thủy có thứ tự như thế nào?**

**A.** Động cơ →Li hợp→Hộp số→Hệ trục→Chân vịt

**B.** Động cơ → Hộp số → Li hợp →Hệ trục→Chân vịt

**C.** Động cơ → Hộp số → Hệ trục → Li hợp →Chân vịt

**D.** Động cơ → Hệ trục →Hộp số→ Li hợp →Chân vịt

**Câu 9. Trong một chu trình làm việc của động cơ điêgen 4 kì. Ở cuối kì nạp trong xilanh chứa gì?**

**A.** Không khí  **B.** Xăng

**C.** Dầu điêzen.  **D.** Hoà khí (dầu Diêgen và không khí)

**Câu 10. Sơ đồ khối hệ thống nhiên liệu dùng bộ chế hòa khí gồm mấy khối?**

**A.** 8  **B.** 2 khối  **C.** 6 **D.** 4

**Câu 11. Sơ đồ khối hệ thống phun xăng gồm mấy khối?**

**A.** 4 khối **B.** 10  **C.** 6  **D.** 8

**Câu 12. Độ bền của vật liệu cơ khí biểu thị khả năng nào sau đây?**

**A.** Chống lại biến dạng dẻo hay phá hủy của vật liệu dưới tác dụng của ngoại lực

**B.** Chống lại biến dạng dẻo hay phá hủy của vật liệu dưới tác dụng của nội năng

**C.** Biến dạng dẻo của vật liệu dưới tác dụng của ngoại lực

**D.** Chống lại biến dạng dẻo hay phá hủy của vật liệu khi bị nung nóng

**Câu 13. Bản chất nào sau đây của phương pháp đúc?**

**A.** Rót kim loại vào khuôn.  **B.** Rót kim loại vào nồi nung.

**C.** Rót kim loại lỏng vào nồi nung. **D.** Rót kim loại lỏng vào khuôn.

**Câu 14. Cả hai phương pháp hàn hồ quang tay và hàn hơi đều sử dụng vật liệu nào sau đây?**

**A.** Mỏ hàn  **B.** Ống dẫn khí oxi **C.** Kìm hàn  **D.** Que hàn

**Câu 15. Vật liệu nào sau đây có thể chế tạo đá mài, các mảnh dao cắt**

**A.** gốm côranhđông **B.** ê pôxi

**C.** pôliamit **D.** Polieste không no

**Câu 16. Khi đúc trong khuôn cát, vật nào có hình dạng và kích thước giống như vật đúc**

**A.** Lòng khuôn  **B.** Mẫu

**C.** Mẫu và lòng khuôn  **D.** Khuôn đúc

**Câu 17. Chọn đúng nhất: Hàn là:**

**A.** Ghép kim loại với nhau  **B.** Rót kim loại lỏng vào khuôn

**C.** Làm biến dạng vật liệu  **D.** Làm kim loại nóng chảy

**Câu 18. Nhược điểm của phương pháp gia công áp lực là:**

**A.** Sản phẩm có cơ tính thấp

**B.** Không sử dụng được phôi có độ dẻo kém

**C.** Gia công không có phoi

**D.** Không thể tự động hóa và cơ khí hóa

**Câu 19. Sản phẩm nào được chế tạo bằng phương pháp hàn?**

**A.** Thân máy **B.** Khung xe đạp

**C.** Các chi tiết máy  **D.** Nắp máy

**Câu 20. Các vật liệu sau thì vật liệu nào không thể gia công bằng áp lực:**

**A.** Nhôm.  **B.** Thép.  **C.** Gang.  **D.** Sắt.

**Câu 21. Kim loại khi gia công áp lực bị biến dạng ở trạng thái nào?**

**A.** Rắn  **B.** Nóng chảy **C.** Dẻo  **D.** Hơi

**Câu 22.** Bản chất của phương pháp gia công áp lực là:

**A.** Dùng ngoại lực tác dụng thông qua các dụng cụ, thiết bị làm cho kim loại biến dạng dẻo.

**B.** Dùng ngoại lực tác dụng lên bề mặt kim loại làm kim loại bị biến dạng

**C.** Rót kim loại lỏng vào khuôn, sau khi kim loại lỏng kết tinh và nguôi ta thu được sản phẩm.

**D.** Nối kim loại bằng cách nung nóng mối nối

**Câu 23.** Phoi là gì?

**A.** Phần vật liệu hao hụt trong quá trình gia công.

**B.** Phần vật liệu bị lấy đi khi gia công cắt gọt kim loại.

**C.** Phần vật liệu dư ra trên bề mặt của sản phẩm

**D.** Phần vật liệu còn lại khi gia công cắt gọt kim loại.

**Câu 24.** Đặc trưng cho độ bền của vật liệu là:

**A.** Giới hạn bền  **B.** Giới hạn dẻo

**C.** Giới hạn cứng **D.** Giới hạn kéo.

**Câu 25.** Mối hàn bị cong, vênh nứt là do.

**A.** Nhiệt độ quá cao **B.** Vật liệu khác nhau

**C.** Biến dạng dẻo **D.** Biến dạng nhiệt không đều

**Câu 26.** Tượng đồng được chế tạo bằng phương pháp gia công nào?

**A.** Hàn hồ quang điện **B.** Cán

**C.** Dập thể tích **D.** Mỏ hàn

**E.** Đúc

**Câu 27.** Vật liệu vô cơ có độ bền nhiệt là:

**A.** 2000C -3000C **B.** 30000C -40000C **C.** 15000C -20000C  **D.** 20000C -30000C

**Câu 28.** Phương pháp gia công nào mà thành phần và khối lượng của vật liệu không thay đổi?

**A.** Tiện **B.** Hàn  **C.** Đúc  **D.** Gia công áp lực

**Câu 29.** Các tính chất cơ bản của vật liệu?

**A.** Độ bền, độ dãn dài tương đối, độ cứng

**B.** Độ bền, độ dẻo, độ cứng

**C.** Độ bền, độ dẻo, độ căng

**D.** Độ bền, độ dãn dài tuyệt đối, độ cứng

**Câu 30.** Giai đoạn nào không có trong tiến trình chế tạo phôi bằng phương pháp đúc trong khuôn cát

**A.** Tiến hành làm khuôn

**B.** Dỡ khuôn thu vật đúc rồi cắt gọt những chi tiết thừa thu sản phẩm

**C.** Chuẩn bị mẫu và vật liệu mẫu

**D.** Nấu chảy và rót kim loại lỏng vào khuôn

**Câu 31. Gia công cắt gọt kim loại là:**

**A.** Phương pháp gia công không phoi.

**B.** Lấy đi một phần kim loại của phoi dưới dạng phôi để thu được chi tiết có hình dạng kích thước theo yêu cầu.

**C.** Phương pháp gia công có phoi.

**D.** Lấy đi một phần kim loại của phôi dưới dạng phoi để thu được chi tiết có hình dạng kích thước theo yêu cầu.

**Câu 32. Trong công nghệ tiện phôi thường ở trạng thái nào?**

**A.** Tịnh tiến dọc và ngang  **B.** Vừa tịnh tiến, vừa quay tròn

**C.** Đứng yên  **D.** Quay tròn

**Câu 33. Chuyển động tiến dao phối hợp để gia công các bề mặt:**

**A.** Các loại ren  **B.** Các bề mặt đầu

**C.** Các mặt côn và mặt định hình  **D.** Trụ

**Câu 34. Người máy công nghiệp là gì**

**A.** Máy tự động cứng.

**B.** Thiết bị tự động mềm đa chức năng có khả năng thay đổi chuyển động, xử lí thông tin...

**C.** Thiết bị có khả nẳng thay đổi chuyển động, xử lí thông tin.

**D.** Thiết bị tự động mềm đa chức năng.

**Câu 35. Các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường trong sản xuất cơ khí là gì?**

**A.** Do hoạt động sản xuất nông nghiệp không hợp lí, sử dụng thuốc trừ sâu quá ngưỡng cho phép.

**B.** Chất thải trong chăn nuôi gia súc, gia cầm, chất thải khi giết mổ, chế biến thực phẩm

**C.** Dầu mỡ và các chất bôi trơn, làm nguội, phế thải trong quá trình cắt gọt không qua xử lí, đưa trực tiếp vào môi trường sẽ gây ra ô nhiễm đất đai.

**D.** Do tập tục canh tác: chăn nuôi không hợp vệ sinh, dùng phân chuồng bón cây

**Câu 36.** Để gia công được chi tiết trên máy tiện:

**A.** Phôi hoặc dao phải chuyển động

**B.** Phôi và dao phải chuyển động tương đối với nhau

**C.** Dao chuyển động

**D.** Phôi chuyển động

**Câu 37. Cấu tạo chung của ĐCĐT bao gồm:**

**A.** 2 cơ cấu và 5 hệ thống chính  **B.** 2 cơ cấu và 4 hệ thống chính

**C.** 2 cơ cấu và 6 hệ thống chính **D.** 2 cơ cấu và 3 hệ thống chính

**Câu 38. Tên gọi động cơ hai kì hay bốn kì dựa vào:**

**A.** Nhiên liệu sử dụng.

**B.** Số vòng quay của trục khuỷu trong một chu trình.

**C.** Phương pháp cấp nhiên liệu cho động cơ.

**D.** Số hành trình của pittông trong một chu trình.

**Câu 39. Động cơ nào cơ cấu phối khí có dùng xupap:**

**A.** Động cơ 4 kỳ.

**B.** Động cơ 2 kỳ và 4 kỳ.

**C.** Động cơ 2 kỳ.

**D.** Tuỳ thuộc động cơ xăng hay điêzen.

**Câu 40. Pít-tông chuyển động 2 hành trình thì trục khủyu sẻ quay được:**

**A.** 720 độ **B.** 90 độ  **C.** 180 độ  **D.** 360 độ

**Câu 41. Kể từ lúc bắt đầu một chu trình mới ở ĐCĐT bốn kỳ cho đến khi trục khuỷu quay được một vòng thì:**

**A.** Pittong ở vị trí ĐCD và bắt đầu đi đến ĐCT.

**B.** Pittong thực hiện được hai lần đi lên và hai lần đi xuống.

**C.** Động cơ đã thực hiện xong kì nạp và nén khí.

**D.** Động cơ đã thực hiện xong kì cháy-giãn nở và thải khí.

**Câu 42. Một chu trình làm việc của ĐC 2 kì, trục khủy quay:**

**A.** Hai vòng  **B.** Ba vòng  **C.** Bốn vòng **D.** Một vòng

**Câu 43. Khi Pittong ở ĐCT kết hợp với nắp máy tạo thành thể tích:**

**A.** Buồng cháy, công tác **B.** Công tác

**C.** Toàn phần  **D.** Buồng cháy

**Câu 44.** Công thức mối quan hệ giữa hành trình píttông (S) với bán kính quay của trục khuỷu (R):

**A.** S= 2R  **B.** S= 2.5R **C.** S= 1.5R  **D.** S= R

**Câu 45.** Động cơ xăng cấu tạo gồm có:

**A.** Hai cơ cấu, bốn hệ thống **B.** Ba cơ cấu, ba hệ thống

**C.** Hai cơ cấu, năm hệ thống  **D.** Ba cơ cấu, bốn hệ thống

**Câu 46.** Khi Pittong ở ĐCD kết hợp với nắp máy và xi lanh tạo thành thể tích nào?

**A.** không gian làm việc ĐC  **B.** Thể tích công tác

**C.** Thể tích toàn phần  **D.** Thể tích buồng cháy

**Câu 47.** Đối với động cơ 2 kì, chi tiết nào có nhiệm vụ đóng mở cửa nạp và cửa thải?

**A.** Pittông. **B.** Xupap hoặc Pittông.

**C.** Cả Xupap và Pitông.  **D.** Xupap.

**Câu 48.** Trong động cơ 4 kỳ, kỳ nào cả hai xupap đều đóng:

**A.** Nén và cháy dãn nở.  **B.** Thải.

**C.** Nén và nạp.  **D.** Nén.

**Câu 49.** Tính chất đặc trưng về cơ học của vật liệu chế tạo cơ khí là:

**A.** Độ cứng, độ bền  **B.** Độ dẻo, độ cứng

**C.** Độ cứng, độ bền, độ dẻo  **D.** Độ dẻo, độ bền

**Câu 50.** Trong công nghệ đúc bằng khuôn cát, Bước Chuẩn bị mẫu và vật liệu làm khuôn là bước thứ mấy?

**A.** 4 **B.** 2  **C.** 3  **D.** 1

**Câu 51.** Tại sao phải châm các lỗ nhỏ trên khuôn cát trong công nghệ đúc kim loại?

**A.** Để trang trí khuôn đúc

**B.** Để thoát kim loại lỏng dư ra ngoàì.

**C.** Để thoát khí nóng của kim loại lỏng.

**D.** Để tiết kiệm đất làm khuôn.

**Câu 52.** Chuyển động của dao cắt trong máy tiện kim loại chủ yếu là chuyển động

**A.** Cong. **B.** Tròn.  **C.** Tịnh tiến.  **D.** Trượt.

**Câu 53.** Thể tích công tác là gì:

**A.** Thể tích không gian giữa nắp xilanh và đỉnh pittông khi pittông ở điểm chết trên.

**B.** Thể tích không gian trong xilanh được giới hạn giữa 2 điểm chết.

**C.** Thể tích không gian giữa nắp xilanh và đỉnh pittông ở điểm chết dưới

**D.** Thể tích lớn nhất có thể có của xilanh.

**Câu 54.** Chu trình làm việc của động cơ xăng gồm các quá trình

**A.** Nạp – Nén – Cháy dãn nở - Thải **B.** Cháy dãn nở - Thải – Nạp – nén.

**C.** Nạp – Nén - Cháy dãn nở. **D.** Nén – Cháy – Thải – hút khí

**Câu 55.** Cấu tạo của thân máy và nắp máy động cơ đốt trong gồm các phần chính sau:

**A.** Thân máy, Thân xilanh, hộp trục khuỷu.

**B.** Nắp máy, cacte, hộp trục khuỷu.

**C.** Nắp máy, Thân máy, Thân xilanh.

**D.** Nắp máy, Thân xilanh, cacte.

**Câu 56.** Trong 1 chu trình làm việc của động cơ 4 kì, pittông lên xuống tổng cộng:

**A.** 4 lần  **B.** 3 lần  **C.** 2 lần. **D.** 1 lần

**Câu 57.** Khi pít tông đi được 1 hành trình thì trục khuỷu quay được 1góc bao nhiêu độ

**A.** 1800  **B.** 900  **C.** 2700  **D.** 3600.

**Câu 58.** Cơ cấu trục khuỷu thanh truyền gồm:

**A.** Hai nhóm chính: pít tông; trục khuỷu

**B.** Nhóm pít tông; nhóm thanh truyền; nhóm trục khuỷu

**C.** Bốn nhóm chính: pít tông; thanh truyền; trục khuỷu; bánh đà

**D.** Pít tông; thanh truyền và trục khuỷu

**Câu 59.** Bánh đà của ĐCĐT có công dụng:

**A.** Cung cấp động năng cho pít tông ngoại trừ ở kỳ cháy - dãn nở.

**B.** Tích luỹ công do hỗn hợp khí cháy tạo ra

**C.** Tham gia vào việc biến đổi chuyển động tịnh tiến thành chuyển động quay.

**D.** Thực hiện tất cả các công việc được nêu.

**Câu 60.** Cơ cấu phân phối khí có nhiệm vụ:

**A.** Đóng mở các cửa khí đúng lúc nhằm giảm ô nhiễm môi trường

**B.** Đóng mở các cửa khí đúng lúc, nhằm nạp sạch xả đầy

**C.** Đóng mở các cửa khí đúng lúc, nhằm nạp đầy xả sạch

**D.** Đóng mở các cửa khí đúng lúc nhằm giảm tiếng ồn động cơ

**Câu 61.** Trong cơ cấu phân phối khí dùng xupap, bánh răng trục cam có đường kính gấp 2 lần đường kính bánh răng trục khuyủ vì:

**A.** Trong 1 kỳ, trục cam quay 2 vòng còn trục khuỷu chỉ cần quay 1 vòng.

**B.** Trong 1 chu trình, trục khuỷu quay 2 vòng thì trục cam chỉ cần quay 1 vòng.

**C.** Trong 1 kỳ, trục khuỷu quay 2 vòng còn trục cam chỉ cần quay 1 vòng.

**D.** Trong 1 chu trình, trục cam quay 1 vòng còn trục khuỷu cần quay 2 vòng.

**Câu 62.** Xupap đóng lại là do tác động của:

**A.** Lực lò xo -> xupap

**B.** Lực lò xo -> đĩa lò xo -> Xupap

**C.** Vấu cam -> lò xo->đĩa lò xo -> xupap

**D.** Vấu cam -> lò xo -> xupap

**Câu 63.** Dầu bôi trơn có tác dụng:

**A.** Chống gỉ, tẩy rửa, làm mát

**B.** Bôi trơn, tẩy rửa, bao kín, làm mát

**C.** Tẩy rửa, làm mát

**D.** Tẩy rửa, bao kín, làm mát

**Câu 64.** Đưa nhớt đi tắt đến mạch dầu chính khi dầu còn nguội là nhờ tác dụng của:

**A.** Bầu lọc nhớt.  **B.** Van khống chế.  **C.** Két làm mát. **D.** Van an toàn.

**Câu 65.** Ở hệ thống làm mát bằng nước, khi nhiệt độ của nước làm mát vượt quá giới hạn cho phép thì:

**A.** Van hằng nhiệt chỉ mở một đường cho nước chảy tắt về bơm.

**B.** Van hằng nhiệt đóng cả hai đường nướ

**C.** Van hằng nhiệt mở cả hai đường để nước vừa qua két nước vừa đi tắt về bơm.

**D.**

**E.** Van hằng nhiệt chỉ mở một đường cho nước qua két làm mát.

**Câu 66.** Tấm hướng gió trong hệ thống làm mát bằng không khí có tác dụng gì?

**A.** Tăng tốc độ làm mát động cơ **B.** Ngăn không cho gió vào động cơ.

**C.** Định hướng cho đường đi của gió **D.** Giảm tốc độ làm mát cho động cơ.

**Câu 67.** Tìm phương án sai?

**A.** Bộ chế hoà khí có cả trong động cơ xăng và động cơ điêzen.

**B.** Bộ chế hoà khí chỉ có trong động cơ xăng.

**C.** Bộ chế hoà khí hoà trộn xăng và không khí ở ngoài xilanh.

**D.** Bộ chế hoà khí không có trong động cơ điêzen.

**Câu 68.** Hệ thống cung cấp nhiên liệu dùng vòi phun trong động cơ xăng có ưu điểm?

**A.** Cung cấp tỉ lệ xăng và không khí phù hợp với các chế độ làm việc của động cơ.

**B.** Giúp cho động cơ giảm tiếng ồn.

**C.** Giúp động cơ tăng tuổi thọ và tiết kiệm nhiên liệu

**D.** Giúp động cơ tăng tuổi thọ và giảm tiếng ồn.

**Câu 69.** Tại sao trong hệ thống cung cấp nhiên liệu và không khí ở đông cơ điêzen có bầu lọc tinh:

**A.** Do khe hở giữa kim phun và thân của vòi phun rất nhỏ

**B.** Do khe hở giữa pittông và xilanh của bơm cao áp, giữa kim phun và thân của vòi phun rất nhỏ nên các cặn bẩn có kích thước nhỏ dễ gây bó kẹt và làm mòn các chi tiết

**C.** Do áp suất trong xilanh ở cuối kỳ nén rất lớn.

**D.** Do khe hở giữa pittông và xilanh của bơm cao áp rất nhỏ

**Câu 70.** Khi động xăng 4 kỳ làm việc, biết trục cam của động cơ quay 22000 vòng tính từ đầu chu trình làm viêc vậy bugi của động cơ đánh lửa bao nhiêu lần:

**A.** 44000 lần  **B.** 1100 lần  **C.** 22000 lần **D.** 11000 lần

**Câu 71. Khi phân loại hệ thống bôi trơn theo phương pháp bôi trơn thì có những loại nào?**

**A.** 4 loại: vung té, pha dầu nhớt vào nhiên liệu, cưỡng bức, bốc hơi.

**B.** 2 loại: vung té, cưỡng bức

**C.** 3 loại: vung té, pha dầu nhớt vào nhiên liệu, bốc hơi.

**D.** 3 loại: vung té, pha dầu nhớt vào nhiên liệu, cưỡng bức

**Câu 72. Trong hệ thống làm mát tuần hoàn cưỡng bức có sử dụng van điều khiển nào?**

**A.** Van hằng nhiệt.  **B.** Van khống chế, van an toàn.

**C.** Van hằng nhiệt, van an toàn.  **D.** Van an toàn.

**Câu 73. Các cánh tản nhiệt bao quanh thân xilanh và nắp máy của động cơ xe máy nhằm mục đích gì?**

**A.** Tản nhiệt nhanh ra không khí.  **B.** Tăng trọng lượng xe.

**C.** Tạo thẩm mỹ cho động cơ. **D.** Cân bằng xe.

**Câu 74. Hệ thống cung cấp nhiên liệu và không khí trong động cơ xăng có nhiệm vụ gì?**

**A.** Cung cấp không khí sạch vào trong xilanh.

**B.** Cung cấp hòa khí sạch vào trong xilanh.

**C.** Cung cấp xăng vào trong xilanh.

**D.** Cung cấp nhiên liệu sạch vào trong xilanh.

**Câu 75. Hỗn hợp xăng - không khí vào xilanh nhiều hay ít do bộ phận nào?**

**A.** Bướm gió  **B.** Bướm ga  **C.** Phao xăng **D.** Jiclơ

**Câu 76. Tìm phương án sai?**

**A.** Bộ chế hoà khí có cả trong động cơ xăng và động cơ điêzen.

**B.** Bộ chế hoà khí không có trong động điêzen.

**C.** Bộ chế hoà khí hoà trộn xăng và không khí ở ngoài xilanh.

**D.** Bộ chế hoà khí chỉ có trong động cơ xăng.

***------ HẾT ------***